

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 01 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vân và bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2021; lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ là tự nguyện, đăng ký kết hôn vào tháng 5/1999 (Âm lịch) tại Ủy ban nhân dân xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại xã Chính Lý, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ lười lao động, ham chơi bời, rượu chè, chị có khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra cãi nhau, anh Đ nhiều lần chửi, đánh chị và

các con, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, kéo dài. Đến năm 2015 chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với anh Đ được nữa nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, ly thân với anh Đ cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên nhiều lần xảy ra cãi, chửi nhau, bức tức anh có đánh chị T. Đến năm 2015, chị T tự bỏ nhà đi và ly thân với anh từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp chị T cương quyết xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Chị T và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Công Đ, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 27/6/2010. Cháu Đ hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập; cháu D do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị T và anh Đ đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu D. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; anh Đ yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là 1.200.000 đồng/tháng cho tới khi cháu D đủ 18 tuổi. Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi, nên chị T và anh Đ đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Chị T đề nghị giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 27/6/2010 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu D đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Đối với cháu Nguyễn Công Đ, sinh năm 2001, hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập nên các đương sự không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T cho rằng anh Đ lười lao động, thường xuyên xúc phạm chị và gia đình chị, nhiều lần đánh chị, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Đ xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Chị T và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm và ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị T đề nghị được ly hôn, anh Đ không nhất trí ly hôn với chị T nhưng cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu tập tài liệu, chứng cứ tại địa phương xã Chính Lý, xác định: Quá trình vợ chồng chị T - anh Đ chung sống với nhau, anh Đ không tu chí, lười lao động, dựa dẫm vào gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Thôn, xóm đã hoà giải cho vợ chồng anh chị nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ đã kéo dài nhiều năm nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án

chị T trình bày hiện nay đang làm nghề buôn bán, mức thu nhập ổn định là 5.000.000 đồng/tháng, chị T hiện đang nuôi dưỡng cháu D ổn định, đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu; anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, nhưng không xuất trình được tài liệu gì để chứng minh về điều kiện nuôi con, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện anh Đ là người lười lao động, sống dựa vào gia đình; cháu D có nguyện vọng được sống cùng với chị T. Sau khi xem xét nguyện vọng của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Công Đ, sinh năm 2001 hiện đã trên 18 tuổi, tự lập, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 27/6/2010 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000980 ngày 10/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Chính Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Quốc Huy

Số: 01/2022/QĐ-SCBSBA

Lý Nhân, ngày 09 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có sự sai sót trong quá trình đánh máy, in ấn trong bản án số 02/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh H.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, như sau:

Tại dòng thứ 04 tính từ trên xuống, trang 01 của bản án đã ghi: “*Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST*”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “*Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST*”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy